

NGHIÊN CỨU VỀ CHỦ NGHĨA ANH HÙNG LÀ SẢN PHẨM QUÁ TRÌNH ĐỒNG HÓA TRONG TRUYỆN NGẮN NGƯỜI TÌNH SÔNG TRÀ BÔNG CỦA TIM O'BRIEN

Phạm Thị Quỳnh Trâm¹

Email: tramptq.nn@vimar.edu.vn, ORCID: 0009-0003-1662-482X

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/11/2025. Ngày phản biện đánh giá: 05/05/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 21/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1289

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm tìm ra đặc điểm của chủ nghĩa anh hùng thông qua việc phân tích nhân vật Mary Anne Bell trong truyện ngắn *Người tình sông Trà Bông* của Tim O'Brien. Bằng việc áp dụng phương pháp ngôn ngữ học ngữ liệu và phân tích nội dung, nghiên cứu chỉ ra tính anh hùng của Mary không vận động theo hệ hình truyền thống; ngược lại, sản phẩm của quá trình đồng hóa này dịch chuyển nhân vật sang hệ hình của chủ nghĩa anh hùng phi truyền thống, nơi nhân vật mang lớp vỏ của một phản anh hùng. Điều này được thể hiện thông qua sự biến đổi về ngoại hình, tâm lý và vai trò trong chiến tranh. Kết quả nghiên cứu có thể phục vụ cho các nghiên cứu liên ngành, qua đó mang lại hiểu biết sâu sắc hơn về tác động của chiến tranh đối với nạn nhân là phụ nữ và trẻ em gái, đồng thời góp phần phá vỡ định kiến giới, khuôn mẫu giới áp đặt lên phụ nữ.

Từ khóa: chủ nghĩa anh hùng, đồng hóa, nữ anh hùng, phản anh hùng

I. Đặt vấn đề

Quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa anh hùng (CNAH) có tính vận động, biến đổi liên tục (Scheipers, 2014). Hình tượng anh hùng (AH) thay đổi qua các thời kỳ: từ các bán thần, các chiến binh trong thần thoại Hy Lạp và La Mã cổ xưa, các vị thánh, những kẻ tử vì đạo, thầy tu, linh mục mang trong mình niềm tin, lòng mộ đạo, các chính khách, học giả, nghệ sĩ kiệt xuất, cho đến những kẻ mộng mơ và nổi loạn muốn khẳng định cái tôi độc nhất và thách thức các quy chuẩn của xã hội (XH). AH còn là những con người bình dị trong đời thường được

tôn vinh bởi lòng hào hiệp, sự tử tế, đấu tranh vì công lý và lẽ phải (Farley, 2011).

Trong các XH hậu hiện đại, dù nghiên cứu về CNAH đã và đang công nhận vai trò của phụ nữ, họ vẫn thường bị phớt lờ và đóng khung trong những khuôn mẫu truyền thống (Frisk, 2019).

Nghiên cứu về truyện ngắn *Người tình Sông Trà Bông*, các học giả trước đây coi nhân vật Mary Anne Bell là biểu tượng của sự tha hóa đạo đức, hòa nhập bản địa (Bonn, 1991; Smiley, 2002), hoặc chứng minh giới tính là sản phẩm của XH và hoàn cảnh thay vì sinh học nhờ năng lực

¹ Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam, Hải Phòng, Việt Nam

thích nghi của phụ nữ (Farrell, 2003). Kế thừa các góc nhìn này, nghiên cứu đặt hành trình của Mary trong hệ hình CNAH phi truyền thống là sản phẩm tất yếu của quá trình đồng hóa (ĐH). Qua việc xem xét dưới lăng kính giới và văn hóa (VH), nghiên cứu mang lại cái nhìn toàn diện về vai trò của nữ giới trong chiến tranh và tác động của chiến tranh lên các quá trình VH.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Chủ nghĩa anh hùng

2.1.1. Anh hùng và phản anh hùng

Trong truyền thống, AH được mô tả là các vĩ nhân có tài năng, ý chí mạnh mẽ, có vai trò quan trọng trong lịch sử, mang đến những chuyển biến XH hoặc đấu tranh cho những hạn chế áp bức (Frisk, 2019). Về bản chất, AH thường dám liều mạng vì một lý tưởng đại diện cho lợi ích chung ở cấp độ cao hơn như chính trị hay đạo đức (Scheipers, 2014).

Các đặc trưng cơ bản của AH bao gồm lòng dũng cảm và tinh thần dám hy sinh thân mình: sẵn lòng giúp đỡ người khác, bất chấp nguy cơ thương tích hay thiệt mạng, sự tử tế, đồng cảm, lòng vị tha (Farley, 2011; Frisk, 2019). AH còn sở hữu tính tự chủ đạo đức, tự tạo ra các giá trị riêng thay vì chỉ hành động theo các giá trị của XH, đôi khi còn chệch hướng khỏi các cấu trúc đạo đức của XH đó (Scheipers, 2014).

Trái lại, phản AH không đơn thuần là nhân vật phản diện mà là nhân vật thiếu vắng các phẩm chất cốt lõi của AH truyền thống như lý tưởng cao đẹp, tính quy chuẩn đạo đức, lòng vị tha. Họ hành động theo bản năng hoặc sự vỡ mộng trước hệ giá trị cũ (Galloway, 1970; Brombert, 1999).

2.1.2. Nữ anh hùng

Theo truyền thống, AH gắn liền với hình ảnh người đàn ông có sức mạnh thể chất, tinh thần cạnh tranh, sức mạnh ý chí và chấp nhận rủi ro. Điều này phù hợp với truyền thống tôn vinh CNAH ở nam giới trong chiến tranh và công cuộc kiến quốc. Ngược lại, phụ nữ thường có vai trò thụ động: chờ đợi, được giải cứu hoặc bị bắt cóc (Frisk, 2019).

Các mô hình nguyên mẫu truyền thống về nữ AH thường gắn họ với vai trò người tình, nàng thơ, đặc biệt là người vợ và người mẹ với hành động AH là sinh con bởi đây là việc từ bỏ bản thân để đem lại sự sống cho người khác. Tuy nhiên, các mô hình này gặp chỉ trích vì dựa trên vai trò và kỳ vọng về giới cũng như mối quan hệ nam-nữ, trói buộc phụ nữ trong khung khái niệm và quyết định sinh học (Frontgia, 1991).

Các mô hình sau này công nhận nữ AH, khẳng định mỗi phụ nữ đều có tiềm năng trở thành AH (Frisk, 2019) và có quyền lựa chọn theo nhu cầu bản thân (Bolen, 1984). Trong hành trình vượt qua trở ngại, hiểm nguy, họ khám phá, phát triển và hợp nhất các khía cạnh bản thân vào một nhân cách toàn diện, phức tạp, đại diện cho một XH vừa khuyến khích, vừa đòi hỏi tính độc lập, tự khẳng định và thành tựu cá nhân ở phụ nữ, bao gồm kiến thức, sức mạnh cùng ý thức mới về thể mạnh và quyền lực cá nhân (Frontgia, 1991).

2.2. Quá trình đồng hóa

Đồng hóa (ĐH) là quá trình một chiều trong đó trong một XH/nhóm thiểu số/nền văn hóa tự biến đổi, trở nên

tương đồng với nhóm đa số hoặc hoàn toàn tiếp nhận các giá trị, hành vi và niềm tin của một nhóm chiếm ưu thế mà không gây ảnh hưởng đến VH sở tại (Kivisto, 2015). Quá trình này thường dẫn đến đánh mất bản sắc VH ban đầu (Gordon, 2015).

Theo Morawska (2015), ĐH gồm ba giai đoạn:

- Hòa nhập vào các mối quan hệ XH cơ bản với nhóm chiếm ưu thế.
- Sự biến mất của bản sắc dân tộc hay bản sắc tập thể.
- Sự xóa bỏ bản sắc dân tộc chủ quan hay bản sắc cá nhân.

2.3. Hòa nhập bản địa và sự tha hóa trong chiến tranh

Hòa nhập VH bản địa hầu như không đồng nghĩa với ĐH trên cơ sở hòa hợp mà phơi bày sự bất ổn trong bản sắc phương Tây. Trong suy nghĩ áp đặt của phương Tây, các nền VH bản địa thường được nhìn nhận qua lăng kính nhị nguyên: hiền lành, hòa hợp về mặt tâm linh với thiên nhiên, hoặc bạo lực, hỗn loạn và man rợ (Torgovnick, 1990).

Trong nghiên cứu về tiểu thuyết *Những thứ họ mang*, Bonn (1991) nhấn mạnh sự xói mòn của các chuẩn mực đạo đức thông thường là kết quả tất yếu của chiến tranh khốc liệt. Khi bị tách khỏi các thước đo ổn định của XH, tư tưởng phương Tây mà đại diện là những người lính nhận thấy các giá trị đạo đức truyền thống bị tàn phá. Hòa nhập bản địa trong bối cảnh chiến tranh không phải là sự hòa mình với thiên nhiên mà là sự sa ngã vào những hành vi nguyên thủy, bản năng, mất kiểm soát dưới áp lực sinh tồn.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

3.1.1. Ngôn ngữ học ngữ liệu

Ngôn ngữ học ngữ liệu là phương pháp tiếp cận liên ngành tập trung vào các mô hình từ vựng, kết hợp phân tích định lượng và định tính nhằm diễn giải các mô hình thay vì chỉ đếm chúng (Pollach, 2012).

Trong nghiên cứu này, kỹ thuật so sánh ngữ liệu và từ chìa khóa trong phương pháp ngôn ngữ học ngữ đóng vai trò chủ đạo: thông qua tính toán tần suất xuất hiện của từ, cụm từ trong các văn bản ngữ liệu để nhận dạng các từ chìa khóa, qua đó chỉ ra đặc trưng nổi bật của văn bản. Cụ thể, tần suất xuất hiện của từ, cụm từ miêu tả ngoại hình và tính cách nhân vật Mary Anne Bell được đo lường thông qua việc sử dụng 02 phần mềm trực tuyến Word Frequency và Write Words dựa trên dữ liệu 41.227 từ trong truyện ngắn *Người tình sông Trà Bồng* (bản tiếng Anh).

3.1.2. Phân tích nội dung

Phân tích nội dung bao gồm đếm và so sánh, mã hóa và phân loại văn bản nhằm xác định các mô hình và chủ đề, diễn giải ngữ cảnh và các phạm trù đó, xác định mối liên hệ của nội dung thông điệp với ý nghĩa, bối cảnh và mục đích của chúng một cách có hệ thống, qua đó đưa ra những suy luận khách quan và có căn cứ về người truyền đạt thông điệp, thông điệp hoặc đối tượng của thông điệp (Hsieh & Shannon, 2005; Prasad, 2008).

Trong nghiên cứu này, quá trình biến đổi của nhân vật Mary Anne Bell được phân tích và diễn giải dựa trên diễn biến thời gian, cách thức, vai trò giới.

3.2. Phương tiện nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng 02 ngữ liệu văn bản:

(1)Truyện ngắn *Sweetheart of the Song Tra Bong* trong tập truyện *The things they carried* của Tim O’Brien (Nhà xuất bản Houghton Mifflin Harcourt, 2009).

(2)Bản dịch tiếng Việt *Người tình sông Trà Bồng* trong tập truyện *Những thứ họ mang* (Nhà xuất bản Văn học, 2011).

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Mary Anne Bell, một thiếu nữ tầm mười bảy tuổi mới tốt nghiệp trung học,

là người tình của sĩ quan quân y Mark Fossie. Cô được đưa sang Việt Nam và sống cùng gã tại một căn cứ cứu thương trên vùng núi phía Tây Chu Lai, gần làng Trà Bồng.

4.1. Thay đổi về ngoại hình và tính cách

Từ bảng dưới đây có thể thấy tác giả dành nhiều chi tiết tả thực để miêu tả nhân vật. Tuy nhiên những chi tiết này không lặp đi lặp lại mà thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa sự thay đổi về ngoại hình và tính cách, tâm lý nhân vật.

Bảng 1. Tần suất xuất hiện của các từ và cụm từ miêu tả ngoại hình và tính cách Mary Anne Bell trước khi thay đổi

Từ, cụm từ	Từ vị	Từ loại	Tần suất xuất hiện (%)	Số lần xuất hiện
sexy pretty young cute attractive innocent, pure, immature, naive silly friendly	sexy pretty young cute attractive innocent, pure, immature, naive silly friendly	Tính từ	0,039	16
culottes sweater jeans flats skirt blouse top	culottes sweater jean flat skirt blouse top	Danh từ	0,024	10
kids child little	kid child little	Danh từ Tính từ	0,012	5
smile laughed	smile laugh	Danh từ Động từ	0,01	4
legs	leg	Danh từ	0,007	3
eyes	eye	Danh từ	0,007	3
hair blonde	hair blonde	Danh từ	0,005	2
complexion	complexion	Danh từ	0,002	1
faced	face	Danh từ	0,002	1

Mary tạo ấn tượng về một cô nàng tuổi teen Mỹ điển hình: xinh đẹp, tính cách sôi nổi, non nớt, thơ ngây mà quyến rũ, mời gọi. Hệ thống từ chìa khóa không chỉ thực tả hình thể mà còn tạo nên một vỏ bọc VH về tính nữ lý tưởng. Thời gian đầu ở căn cứ, Mary cư xử đúng tuổi và cùng Fossie có khoảng thời gian trăng mật lãng mạn, “mộng mơ” như trong “kế hoạch” về hôn nhân. Với bản tính tò mò, cô hào hứng khám phá và yêu mến ngôi làng; lúc này, cô vẫn là một đứa trẻ hồn nhiên, không màng nguy hiểm. Cô đại diện cho một thực thể phi lịch sử, thuần khiết trước bạo lực và lạc lõng giữa bối cảnh chiến tranh chết chóc.

Tuy nhiên, tiềm năng của cô sớm được nhận ra: “không phải đứa con nít rụt rè nhút nhát”, “thông minh sắc sảo”, “cọp cái thứ thiệt”, “ruột khủng long, óc chuột nhắt”, ... Cô nhanh chóng lột xác, từ những thay đổi có thể quan sát: “không trang điểm”, “không giũa móng tay”, “không đeo nữ trang”, “cắt tóc ngắn”, “vấn tóc” cho đến việc học dùng súng, không sợ máu, học cứu thương. Ánh mắt cô thay đổi từ vẻ “lờ mờ” thường ngày trở nên “tập trung” cùng tác phong “điềm tĩnh”, “nghiêm trang”, tự tin. Sự thay đổi không thể che giấu khiến cô “đường như là một con người khác”, “mập mờ”, “xa lạ” - đây là dự báo về sự biến đổi mới chớm trong tâm lý Mary. Đặc biệt, việc cô từ chối “về nhà” bởi ở đây có mọi thứ cô cần và “chưa bao giờ hạnh phúc như thế” cho thấy cô muốn chối bỏ dấu vết của gốc rễ, bản sắc vốn có, thay vào đó là sự xâm lấn của môi trường mới.

Sự kiện dẫn đến thay đổi đột phá trong tâm lý Mary là sau hai lần cô theo đám Mũ Nồi Xanh đi phục kích đêm và

quay về cùng diện mạo “khó nhận ra”: “đội mũ đi rừng”, “mặc đồ nhà binh”, “mặt đen nhẻm muội than”. Khi Fossie tức giận, cô nhượng bộ, tỏ ra “nhu mì”. Tất cả đều nhận ra cái vỏ “giả tạo” cứng nhắc và căng thẳng này trong ánh mắt “trống rỗng”, vẻ “u ám”. 03 lần tác giả sử dụng từ ngữ gắn với ngã, bản sắc cá nhân: “biến mất bên trong chính mình”, “không phải toàn bộ ả”, “không còn là cùng một người” và không miêu tả cô như một tồn tại về vật chất mà như một cái bóng, hồn ma phảng phất trong bóng tối. Đặc biệt, sự dịch chuyển biểu tượng sâu sắc nhất nằm ở đôi mắt màu xanh dương, xanh lơ “ngời sáng” đại diện cho bản sắc phương Tây, sự thuần khiết nguyên bản chuyển sang “màu xanh rừng già chói rục”. Đây không đơn thuần là sự thay đổi ngoại hình mà là sự hòa tan căn tính và quá trình ĐH không gian. Mary không còn nhìn thế giới bằng nhãn quan của một người ngoại quốc mà bản thể của cô đã bị hấp thụ và tái sinh bởi chính không gian địa lý-VH bản địa.

Cuối cùng, cô “thay đổi hoàn toàn” với cặp mắt “vô cảm”, “thờ ơ”, “trống rỗng”, trở nên “quái gở”, “dữ tợn”, “nguy hiểm”, “sẵn sàng giết chóc”. Tác giả tiếp tục 05 lần sử dụng diễn đạt về ngã: “gắn gũi với chính mình”, “gắn với cơ thể chính mình”, “biết chính xác em là ai”, “thâm nhập sâu hơn vào bí ẩn của chính mình”, “mất hút trong chính mình” và sự triệt tiêu của bản sắc cá nhân cũ: “đi hẵn rồi”, “biến mất hoàn toàn”, “không quay lại”. Sự lặp lại liên tục này không chỉ mô tả biến đổi tâm lý thông thường mà phản ánh hội chứng khủng hoảng căn tính sâu sắc và sự phân mảnh bản thể của con người trong chiến tranh.

Kết cục của Mary là bí ẩn chưa được lý giải. Theo suy đoán, cô “vẫn còn sống” - tồn tại dạng vật chất nhưng không rõ tung tích, chỉ có thể tình cờ bắt gặp dưới dạng bóng đen mơ hồ. Đặc biệt, chi tiết cô vạch ra ranh giới giữa cô và Fassie, “băng qua phía bên kia hàng rào” gọi lên sự vượt thoát ranh giới mang tính hiện sinh. Hàng rào kẽm gai ở căn cứ không chỉ là ranh giới quân sự mà là lần ranh ngăn cách giữa pháo đài ý thức hệ phương Tây và không gian nguyên thủy bản địa. Việc cô biến mất vào phía bên kia không biểu thị sự lựa chọn phe phái chính trị mà là sự hoàn tất quá trình ĐH căn tính, chấp nhận đánh mất bản ngã cũ để đạt quyền lực cá nhân mới.

4.2. Vai trò trong chiến tranh

Đầu truyện, Mary được giới thiệu với vai trò người tình của Fossie. Như nhiều phụ nữ mua vui, cô bị đám lính coi là món hàng, “con búp bê”, món đồ chơi tình dục. Tại căn cứ, Mary cũng đóng vai trò người chăm sóc, hỗ trợ cứu thương dù vai trò này rất mờ nhạt, chủ yếu cho thấy cô là người gan dạ, có năng khiếu chứ không xuất phát từ lòng trắc ẩn, vị tha. Đồng thời, đối với đám lính có định kiến cố hữu về con gái phải “dịu dàng”, “thích hòa bình”, việc cô có mặt tại chiến trường, trở thành chiến binh hết sức phi lý “Chả gì hết. Chiến tranh” và thấy tiếc khi cô bị cuốn vào cuộc chiến.

Dẫu vậy, Mary là nàng thơ đem sức sống đến trận địa chết chóc, giúp họ “lên tinh thần”. Họ “chân thành thích” cô, gọi “cô nàng bản xứ ... của chúng mình” - đây là tình yêu vượt lên mối quan hệ nam - nữ hay mang dục vọng thông thường. Bởi lẽ, Mary ánh xạ tuổi trẻ tươi đẹp của họ bị vùi dập trong chiến tranh; cô cũng

đại diện cho những cô gái khác nơi quê nhà và rộng hơn là quê hương đất nước.

Mary còn là nạn nhân của chiến tranh khi vô thức bị cuốn vào cuộc chiến, đánh mất ý thức, đập đổ chuẩn mực đạo đức XH. Đồng thời, việc chủ động học hỏi, hành động theo bản năng, chiến đấu thay vì thụ động quan sát, tuân theo sắp đặt cho thấy cô dám phá vỡ định kiến giới áp đặt lên phụ nữ. Ở điểm này, cô là nữ AH với hành động khác biệt, vượt lên hình ảnh nữ AH trong truyền thống gắn liền với kì vọng và vai trò giới.

V. Kết luận

Quá trình ĐH VH diễn ra theo mô hình ba giai đoạn của Morawska (2015), đẩy đến tận cùng bằng sự triệt tiêu bản sắc cũ. Điểm khác biệt giữa CNAH của sự ĐH với sự tha hóa thông thường nằm ở tính chủ động hiện sinh. Thoạt nhìn Mary là nạn nhân bị bóng tối chiến tranh nuốt chửng, nhưng thực chất cô không trượt dài thụ động mà chủ động thực hiện cuộc cách mạng giải phóng giới thông qua chiếm lĩnh quyền lực cá nhân và tự quyết hành trình. Do vậy, CNAH ở đây là sự dũng cảm hiện sinh phá vỡ định kiến giới áp đặt để tự kiến tạo căn tính. Điều này thống nhất với quan điểm của Bolen (1984) cho rằng CNAH ở nữ giới mang tính hai mặt: vừa đòi hỏi sự tự chủ bên ngoài - phá bỏ những kỳ vọng của xã hội, vừa đi sâu vào tâm lý của chính mình để đối mặt, làm chủ và dung hòa những hình mẫu bên trong.

Từ góc nhìn hậu hiện đại, Mary là một phản AH mang căn tính giải phóng giới có tính cách mạng. Cô hành động theo bản năng, từ bỏ chuẩn mực đạo đức XH về tính nữ và chống lại hệ thống cấu trúc nam quyền phương Tây. Cô không tìm kiếm sự tôn vinh mà tìm thấy quyền lực trong sự

hòa tan vào không gian chiến tranh. Trong bối cảnh đám lính Mỹ bị cuốn vào cuộc chiến, cô là người duy nhất chủ động kiến tạo căn tính mới, biến quá trình ĐH vốn mang tính áp đặt thành công cụ giải phóng bản thể khỏi định kiến giới cứng nhắc.

Tóm lại, nghiên cứu nhấn mạnh rằng tính AH của Mary không vận động theo hệ hình truyền thống; ngược lại, sản phẩm của quá trình ĐH này dịch chuyển nhân vật sang hệ hình của CNAH phi truyền thống, nơi nhân vật mang lớp vỏ của một phản AH.

Tài liệu tham khảo

- Bolen, J. S. (1984). *Goddesses in everywoman: A new psychology of women*. Harper & Row.
- Bonn, M. S. (1991). Can stories save us? Tim O'Brien and the efficacy of the text. *Critique: Studies in Contemporary Fiction*, 32(4), 263-278. <https://doi.org/10.1080/00111619.1991.9936458>
- Brombert, V. (1999). *In Praise of Antiheroes: Figures and Themes in Modern European Literature, 1830-1980*. University of Chicago Press.
- Farley, F. (2011, August 4-7). *The new psychology of heroes and heroism: In conversation hour* [Paper presentation]. Annual Convention of the American Psychological Association, Washington, DC, United States.
- Farrell, S. (2003). Tim O'Brien and Gender: A Defense of "The Things They Carried". *CEA Critic*, 66(1), 1-21.
- Frisk, K. (2019). What makes a hero? Theorising the social structuring of heroism. *Sociology*, 53(1), 87-103. <https://doi.org/10.1177/0038038518764568>
- Frontgia, T. (1991). Archetypes, stereotypes, and the female hero: Transformations in contemporary perspectives. *Mythlore*, 18(1), 15-18. <https://www.jstor.org/stable/26812483>
- Galloway, D. (1970). *The Absurd Hero in American Fiction: Updike, Styron, Bellow, Salinger*. University of Texas Press.
- Gordon, M. M. (2015). The nature of assimilation. In P. Kivisto (Ed.), *Incorporating diversity: Identity, mutual accommodation, and intercultural relations* (pp. 95-110). Routledge.
- Hsieh, H. F., & Shannon, S. E. (2005). Three approaches to qualitative content analysis. *Qualitative health research*, 15(9), 1277-1288. <https://doi.org/10.1177/1049732305276687>
- Kivisto, P. (2015). The revival of assimilation in historical perspective. In *Incorporating Diversity* (pp. 3-30). Routledge.
- Morawska, E. (2015). In defense of the assimilation model. In *Incorporating Diversity* (pp. 128-137). Routledge.
- Pollach, I. (2012). Taming textual data: The contribution of corpus linguistics to computer-aided text analysis. *Organizational research methods*, 15(2), 263-287. <https://doi.org/10.1177/1094428111417451>
- Prasad, B. D. (2008). Content analysis. In D. K. Laldas (Ed.), *Research methods for social work* (pp. 69-80). Rawat Publications.
- Scheipers, S. (2014). Introduction: Toward post-heroic warfare?. In *Heroism and the changing character of war: Toward post-heroic warfare?* (pp. 1-18). London: Palgrave Macmillan UK. <https://doi.org/10.1080/01419870.1981.9993338>
- Smiley, P. (2002). The Role of the Ideal (Female) Reader in Tim O'Brien's "The Things They Carried": Why Should Real Women Play?. *The Massachusetts Review*, 43(4), 602-613.
- Torgovnick, M. (1990). *Gone Primitive: Savage Intellectuals, Modern Lives*. University of Chicago Press.

THE HEROISM OF ASSIMILATION IN TIM O'BRIEN'S SWEETHEART OF THE SONG TRA BONG

Pham Thi Quynh Tram¹

Abstract: *This study aims to identify the features of heroism through an analysis of the character Mary Anne Bell in Tim O'Brien's Sweetheart of the Song Tra Bong. Through corpus linguistics and content analysis, the study shows that Mary's heroism is the product of assimilation, a cultural process that shifts the character toward a non-traditional paradigm of heroism, in which she takes on the mantle of an anti-hero. This is represented by her transformations in physical appearance, psychology, and roles. The findings can serve interdisciplinary studies, thereby offering a deeper understanding of the impact of war on female victims, while contributing to the deconstruction of gender prejudice and gender stereotypes imposed on women.*

Keywords: *anti-hero, assimilation, female heroism, heroism*

¹ Vietnam Maritime University, Hai Phong, Vietnam